

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ I NĂM 2026

(Đính kèm Công văn số 1693/UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Phường Bình Trị Đông)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... tháng so (%)	
			Quý I	Lũy kế 2026	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	-	-	-	-	-
I	Thu nội địa					
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	578,812	255,528	255,528	44,15%	-
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	40,372	21,227	21,227	52,58%	-
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	12,350	0,401	0,401	3,25%	
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)			-		
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	28,022	20,826	20,826	74,32%	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	538,440	234,301	234,301	43,51%	-
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	392,974	98,241	98,241	25,00%	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	145,466	136,060	136,060	93,53%	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
C	TỔNG CHI NSDP	578,812	74,898	74,898	12,94%	-
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	566,624	71,571	71,571	12,63%	-
1	Chi đầu tư phát triển	0,600		-	0,00%	
2	Chi thường xuyên	549,440	71,571	71,571	13,03%	
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	16,584			0,00%	
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	12,188	3,327	3,327	27,30%	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ I NĂM 2026

(Đính kèm Công văn số 1693/UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Phường Bình Trị Đông)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... Quý so (%)	
			Quý I	Lũy kế 2026	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.015,507	327,367	327,367	32,24%	-
I	Thu nội địa	1.015,507	327,367	327,367	32,24%	-
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	503,672	207,230	207,230	41,14%	
4	Thuế thu nhập cá nhân	249,130	57,824	57,824	23,21%	
5	Thuế bảo vệ môi trường	3,015	0,771	0,771	25,57%	
6	Các loại phí, lệ phí	4,360	1,018	1,018	23,35%	
7	Lệ phí trước bạ	134,600	20,785	20,785	15,44%	
7	Các khoản thu về nhà, đất	92,130	25,085	25,085	27,23%	-
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			-		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8,060	0,897	0,897	11,13%	
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	7,470	0,322	0,322	4,31%	
-	Thu tiền sử dụng đất	76,600	23,866	23,866	31,16%	
-	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước	-	-	-	-	-
-	Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế					
-	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	24,310	-	-	0,00%	
14	Thu khác ngân sách	4,290	14,654	14,654	341,58%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	-	-	-	-	-
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác	-	-	-	-	-
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	40,372	21,227	21,227	52,58%	-
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	28,022	20,826	20,826	74,32%	
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	12,350	0,401	0,401	3,25%	

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ I NĂM 2026

(Đính kèm Công văn số 1693/UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Phường Bình Trị Đông)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước...Quý so (%)	
			Quý I	Lũy kế 2026	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP	578,812	74,898	74,898	12,94%	-
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	566,624	71,571	71,571	12,63%	-
I	Chi đầu tư phát triển	0,600	-	-	0,00%	-
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	0,600	-	-	0,00%	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên	549,440	71,571	71,571	13,03%	
	Trong đó:					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	299,002	32,144	32,144	10,75%	
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	2,879	-	-	0,00%	
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	16,584			0,00%	
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế					
IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	12,188	3,327	3,327	27,30%	-
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	12,188	3,327	3,327	27,30%	
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					